

## SỰ TÍNH LƯỢC

Trong sự thân mật, vẫn nói tiếng Anh chúng ta thường bỏ qua những từ khi nó dễ dàng hiểu cái đang được nói mà không cần chúng. Ví dụ, Tim nói "Be out in a minute" (*Sẽ xong trong vòng một phút*) hơn là câu dài, trịnh trọng hơn "I will be out in a minute". Anh ta cũng nói rằng "Just coming" (*Vừa đến*) hơn là "I'm just coming".

Dưới đây là một số ví dụ khi chúng ta thường bỏ qua các từ (đây được gọi là "sự lược bỏ")

### Cấu trúc so sánh với 'as' và 'than'

Những từ sau 'as' và 'than' thường được bỏ qua nếu nghĩa rõ ràng:

There are as many girls as boys here. = There are as many girls as **there are** boys here.

*Có nhiều nữ cũng như nam ở đây*

She can speak more languages than you. = She can speak more languages than you **can speak**.

*Cô ta có thể nói nhiều ngôn ngữ hơn bạn.*

### Phần bắt đầu của câu

Những từ không được nhấn mạnh thường được bỏ qua ở phần bắt đầu của câu:

A: Fancy a coffee? = **Do** you fancy a coffee?

B: Would love a cup of tea. = **I** would love a cup of tea.

A: *Thích uống cà phê không?*

B: *Tôi muốn một tách trà.*

Got the time please? = **Have you** got the time please?

*Bạn có thời gian rồi không?*

### Các nguyên thể

1. Bạn có thể sử dụng 'to' hơn là lặp lại nguyên thể đầy đủ:

I don't eat sweets now but I used to when I was young. = I don't eat sweets now but I used to **eat sweets** when I was young.

*Bây giờ tôi không ăn kẹo như tôi đã từng khi tôi còn nhỏ.*

I broke the vase. I didn't mean to. It just slipped. = I broke the vase. I didn't mean to **break the vase**. It just slipped.

*Tôi làm vỡ chiếc bình hoa. Tôi vô tình. Nó vừa ngã xuống.*

2. Đôi khi bạn cũng có thể bỏ qua nguyên thể và 'to':

Eat as much as you want. = Eat as much as you want **to eat**.

*Ăn nhiều như anh muốn.*

A: Can you open this window? I think it's stuck

B: I'll try. = I'll try **to open the window**.

A: *Anh có thể mở cửa sổ dùm không? Em nghĩ nó bị kẹt.*

B: *Anh sẽ thử.*

### Phần cuối của một mệnh đề danh từ

Đôi khi bạn có thể bỏ qua danh từ sau tính từ:

A: What kind of rice would you like?

B: Boiled. = Boiled **rice**.

A: *Loại cơm con thích ăn là gì?*

*B: Cơm nấu.*

If you don't have any brown bread, white will do. = If you don't have any brown bread, white **bread** will do.

*Nếu cô không có bánh mì nâu, bánh mì trắng cũng được.*

**and / but / or**

Các từ được lặp lại thường được bỏ qua trong cấu trúc mà sử dụng and', but' and 'or':

You look different. And smell different too. = You look different. And **you** smell different too.

*Em nhìn rất khác. Và mùi nước hoa cũng khác.*

She's a firm but fair boss. = She's a firm but **she's a** fair boss.

*Bà ta là một người sếp cứng rắn nhưng công bằng.*

Have you got a pen or pencil please? = Have you got a pen or **have you got a** pencil please?

*Bạn có cây viết bi hoặc viết chì không?*